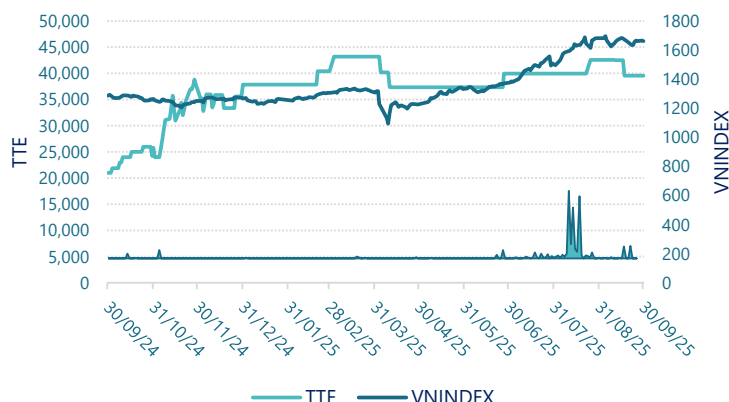


CTCP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (HSX: TTE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	39,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	43,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,000
SL cổ phiếu LH	28,490,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	45
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,127
P/E	-132.7
EPS	-298

DT thuần

Q3/25

30.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.90 | -8.7%

YoY: ▲8.00 | 36.0%

LN sau thuế

Q3/25

0.61

tỷ VNĐ

QoQ: ▲9.93 | 107%

YoY: ▲7.03 | 109%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

44.9%

+/- YoY: ▲4.4%

DT thuần

9T 2025

95.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲13.8 | 16.8%

LN sau thuế

9T 2025

-5.92

tỷ VNĐ

YoY: ▲17.8 | 75.1%

ROE

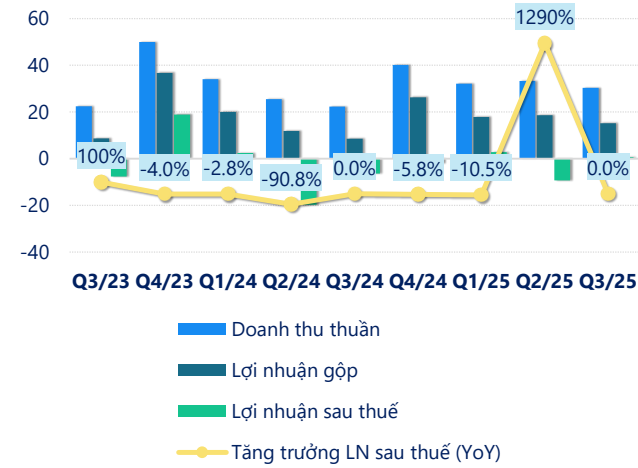
Q3/25

-3.0%

+/- YoY: ▼1.2%

tỷ VNĐ

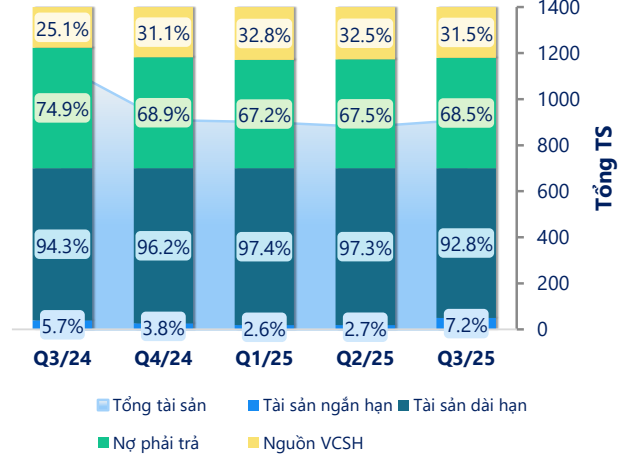
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

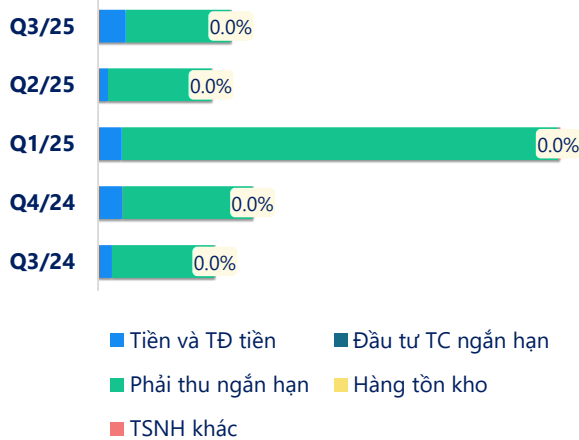
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



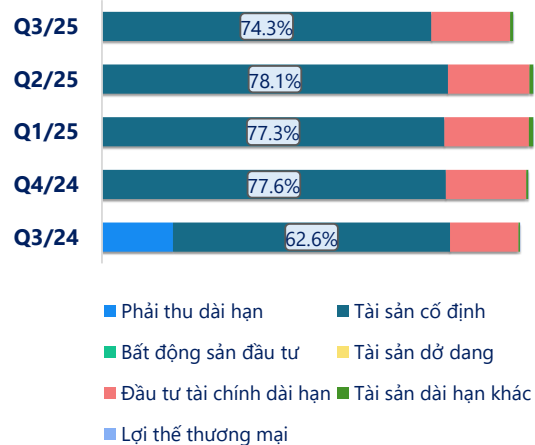
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

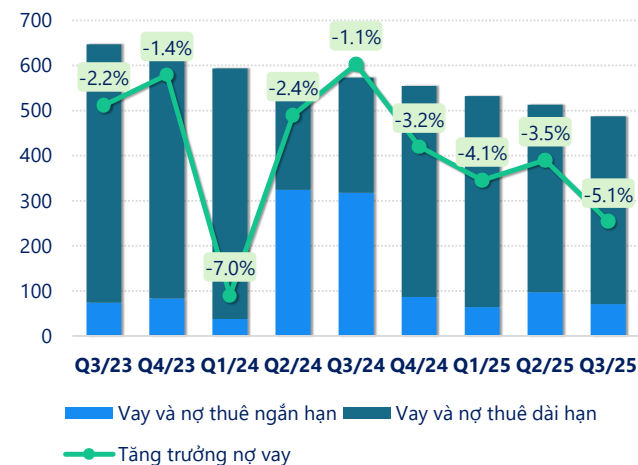
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

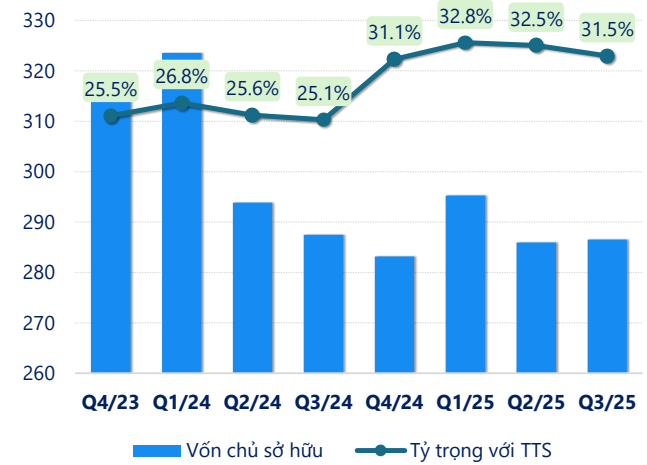
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

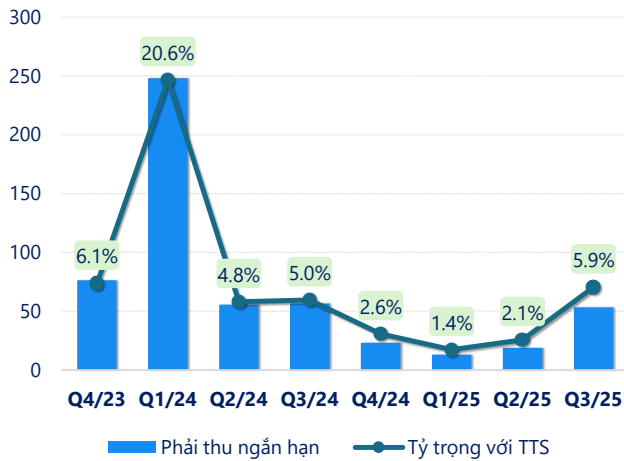
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



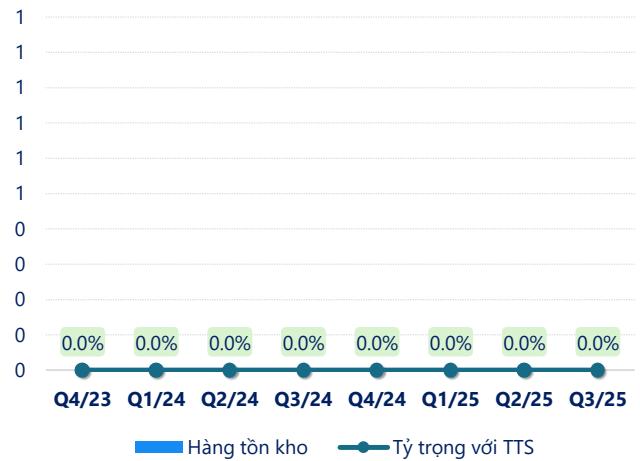
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


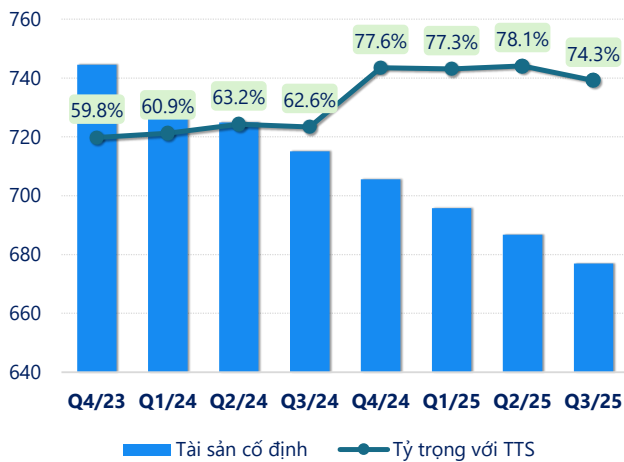
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


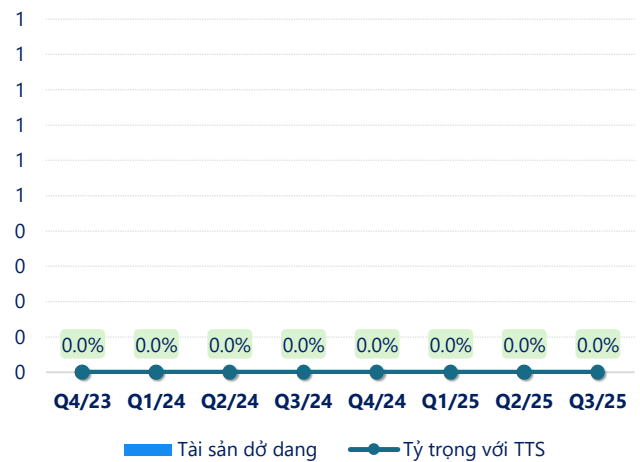
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

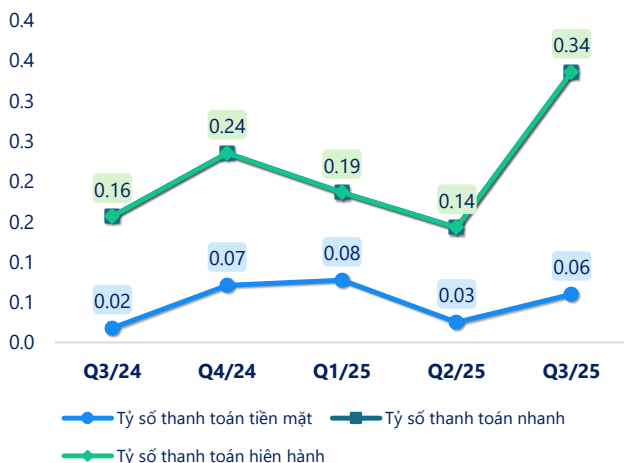
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

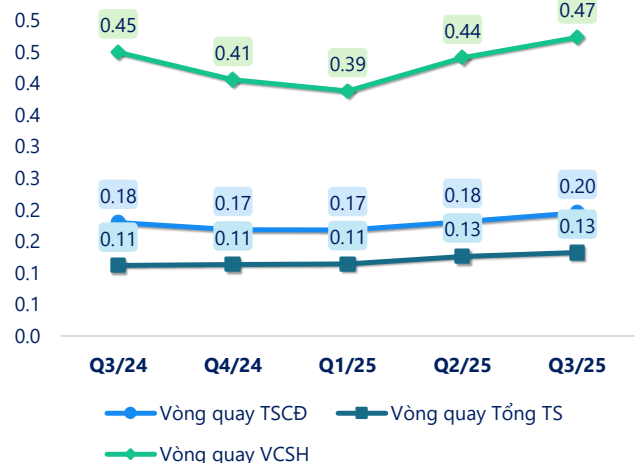
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,143	909	900	879	911
Tài sản ngắn hạn	64.8	34.2	23.4	23.4	65.3
Tiền và tương đương tiền	7.50	10.3	9.72	4.11	11.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	56.7	23.3	13.0	18.8	53.4
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.60	0.64	0.64	0.48	0.28
Tài sản dài hạn	1,078	875	877	856	845
Phải thu dài hạn	183	0.05	0.05	0.04	0.04
Tài sản cố định	715	706	696	687	677
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	176	165	172	162	162
Tài sản dài hạn khác	3.88	4.37	9.21	7.33	6.36
Lợi thế thương mại	0.19	0.16	0.13	0.10	0.08
Nợ phải trả	856	626	605	594	624
Nợ ngắn hạn	414	145	126	164	195
Vay và nợ thuê ngắn hạn	317	86.4	63.9	96.8	70.7
Phải trả người bán ngắn hạn	3.69	3.99	4.49	3.88	4.36
Nợ dài hạn	442	481	479	430	430
Vay và nợ thuê dài hạn	256	468	468	417	417
Nguồn vốn chủ sở hữu	287	283	295	286	287
Vốn chủ sở hữu	287	283	295	286	287
Vốn điều lệ	285	285	285	285	285
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)